NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 29/2014/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2014*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn các ngân hàng thương mại phối hợp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong việc thực hiện cơ chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn theo quy định tại Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn các ngân hàng thương mại phối hợp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong việc thực hiện cơ chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn theo quy định tại Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các ngân hàng thương mại phối hợp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Phát triển) trong việc thực hiện cơ chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn theo quy định tại Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Quy chế bảo lãnh).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi là bên cho vay).

2. Các doanh nghiệp là đối tượng được Ngân hàng Phát triển bảo lãnh vay vốn thuộc doanh nghiệp nhỏ và vừa (trừ doanh nghiệp siêu nhỏ) theo quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là khách hàng).

3. Ngân hàng Phát triển và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện Quy chế bảo lãnh.

Điều 3. Nguyên tắc cho vay

1. Dự án sản xuất kinh doanh được xem xét cho vay có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển là dự án thuộc ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế bảo lãnh.

2. Bên cho vay xem xét, quyết định cho vay các dự án của khách hàng được Ngân hàng Phát triển bảo lãnh theo quy định pháp luật hiện hành về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, các quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thỏa thuận phối hợp

1. Bên cho vay và Ngân hàng Phát triển có thỏa thuận bằng văn bản về việc phối hợp thực hiện cho vay có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển (sau đây gọi là Thỏa thuận phối hợp) trước khi ký hợp đồng tín dụng, bao gồm các nội dung: Trình tự phối hợp giữa các bên trong việc tiếp nhận và giải quyết nhu cầu vay vốn có bảo lãnh của khách hàng; cung cấp chứng từ giải ngân; kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay (gọi là kiểm tra vốn vay); điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ; thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

2. Bên cho vay, Ngân hàng Phát triển và khách hàng có thỏa thuận bằng văn bản để đảm bảo bên cho vay có quyền tiếp nhận và xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Ngân hàng Phát triển từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phù hợp với quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Thông báo chấp thuận cho vay

1. Thông báo chấp thuận cho vay là văn bản do bên cho vay xác lập cho khách hàng thông báo về việc chấp thuận cho vay nếu khoản vay được Ngân hàng Phát triển thực hiện bảo lãnh. Thông báo chấp thuận cho vay không có giá trị thay thế hợp đồng tín dụng của khoản vay.

2. Nội dung của thông báo chấp thuận cho vay là cơ sở để Ngân hàng Phát triển ký hợp đồng bảo lãnh và phát hành chứng thư bảo lãnh đối với khoản vay của khách hàng. Các nội dung tại thông báo chấp thuận cho vay, hợp đồng bảo lãnh và chứng thư bảo lãnh phải thống nhất, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành liên quan đến cho vay và bảo lãnh đối với khách hàng.

3. Thông báo chấp thuận cho vay bao gồm các nội dung cơ bản sau: Tên khách hàng, tên dự án, mục đích sử dụng vốn vay, tổng nguồn vốn thực hiện dự án (gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay ngân hàng và các nguồn vốn khác), tổng số tiền chấp thuận cho vay (gồm số tiền cho vay có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển, số tiền cho vay được bảo đảm bằng các biện pháp khác hoặc không áp dụng các biện pháp bảo đảm), thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ, quy định về giải ngân vốn vay, thời hạn hiệu lực của thông báo chấp thuận cho vay (nếu có). Trong trường hợp có quy định thời hạn hiệu lực, bên cho vay chỉ xem xét ký hợp đồng tín dụng với khách hàng trong thời hạn hiệu lực của thông báo chấp thuận cho vay.

Điều 6. Ký hợp đồng tín dụng

Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi bên cho vay nhận được bản gốc chứng thư bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển phát hành, bên cho vay xem xét thực hiện:

1. Ký hợp đồng tín dụng với khách hàng nếu nội dung của chứng thư bảo lãnh phù hợp với nội dung văn bản thông báo chấp thuận cho vay.

2. Thông báo bằng văn bản cho khách hàng và Ngân hàng Phát triển trong trường hợp không đồng ý ký hợp đồng tín dụng, trong đó nêu rõ lý do từ chối ký hợp đồng tín dụng, đồng thời hoàn trả bản gốc chứng thư bảo lãnh cho Ngân hàng Phát triển.

Điều 7. Giải ngân, kiểm tra vốn vay của khách hàng

1. Cung cấp chứng từ giải ngân: Bên cho vay phải cung cấp bản sao chứng từ giải ngân và hồ sơ liên quan đến khoản giải ngân cho Ngân hàng Phát triển ngay sau mỗi lần giải ngân vốn vay để làm căn cứ trong phối hợp kiểm tra vốn vay.

2. Kiểm tra vốn vay: Bên cho vay và Ngân hàng Phát triển thống nhất thời điểm thực hiện phối hợp kiểm tra vốn vay, đảm bảo giám sát khách hàng sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay đúng mục đích. Việc kiểm tra vốn vay phải được các bên liên quan lập thành biên bản. Biên bản kiểm tra vốn vay là cơ sở để Ngân hàng Phát triển thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Điều 8. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

1. Bên cho vay xem xét đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ cho khách hàng theo quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở thống nhất với Ngân hàng Phát triển.

2. Quy trình thực hiện việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ cho khách hàng như sau:

a) Bên cho vay có văn bản gửi Ngân hàng Phát triển về phương án điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ cho khách hàng;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của bên cho vay, Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi bên cho vay về việc đồng ý hoặc không đồng ý với phương án điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ của bên cho vay. Trường hợp đồng ý, Ngân hàng Phát triển thực hiện sửa đổi, bổ sung chứng thư bảo lãnh đối với khoản vay phù hợp với nội dung phương án điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ của bên cho vay;

c) Bên cho vay chỉ thực hiện điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ cho khách hàng nếu nhận được văn bản của Ngân hàng Phát triển chấp thuận việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ và sửa đổi các nội dung trong chứng thư bảo lãnh có liên quan đến việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ của khách hàng.

Điều 9. Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

1. Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với bên cho vay theo đúng quy định tại chứng thư bảo lãnh và quy định pháp luật liên quan đến khoản bảo lãnh.

2. Bên cho vay và Ngân hàng Phát triển thỏa thuận cụ thể bằng văn bản các trường hợp Ngân hàng Phát triển được từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Quy chế bảo lãnh theo nguyên tắc sau:

a) Ngân hàng Phát triển được từ chối thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh khi bên cho vay giải ngân một phần hoặc toàn bộ vốn vay không đúng mục đích;

b) Trường hợp bên cho vay giải ngân vốn vay đúng mục đích nhưng không thực hiện đúng việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay đối với khách hàng dẫn đến khách hàng sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay không đúng mục đích thì Ngân hàng Phát triển chỉ được từ chối trả thay số tiền tương ứng với phần vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay mà khách hàng sử dụng sai mục đích.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày khoản vay đến hạn trả nợ mà khách hàng không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, đúng hạn đối với khoản vay, bên cho vay có trách nhiệm xác định rõ nguyên nhân không trả được nợ của khách hàng, áp dụng các biện pháp thu hồi nợ theo quy định và có văn bản kèm theo hồ sơ yêu cầu Ngân hàng Phát triển thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết theo quy định tại Quy chế bảo lãnh và hướng dẫn tại Thông tư này.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của bên cho vay, Ngân hàng Phát triển phải hoàn thành việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết. Trong trường hợp từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, Ngân hàng phát triển phải có văn bản gửi bên cho vay nêu rõ lý do từ chối. Quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu thực

hiện nghĩa vụ bảo lãnh của bên cho vay mà Ngân hàng Phát triển không có văn bản từ chối thì mặc nhiên được xem là Ngân hàng phát triển đã chấp thuận thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản từ chối của Ngân hàng Phát triển, bên cho vay phải có văn bản phản hồi chấp thuận hoặc không chấp thuận việc từ chối của Ngân hàng Phát triển. Quá thời hạn này, bên cho vay được xem là chấp thuận việc từ chối của Ngân hàng Phát triển nếu không có văn bản phản hồi gửi Ngân hàng Phát triển.

Điều 10. Chuyển giao tài sản bảo đảm

Khi nhận được văn bản của bên cho vay chấp thuận việc từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, Ngân hàng Phát triển thực hiện xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng như sau:

1. Trường hợp từ chối thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh: Ngân hàng Phát triển chuyển giao ngay quyền tiếp nhận và xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng cho bên cho vay theo Thỏa thuận phối hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này. Bên cho vay hoàn trả bản gốc chứng thư bảo lãnh cho Ngân hàng Phát triển sau khi Ngân hàng Phát triển chuyển giao tài sản bảo đảm.

2. Trường hợp từ chối thực hiện một phần nghĩa vụ bảo lãnh:

a) Đối với phần nghĩa vụ bảo lãnh được chấp thuận: Ngân hàng Phát triển thực hiện ngay việc trả nợ thay cho khách hàng (bao gồm gốc và lãi tương ứng);

b) Đối với phần nghĩa vụ bảo lãnh không được chấp thuận: Ngân hàng Phát triển phối hợp với bên cho vay thực hiện xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ các chi phí liên quan đến quá trình xử lý tài sản bảo đảm, sẽ được thanh toán theo tỷ lệ dư nợ của khách hàng tại bên bảo lãnh (phần nợ đã trả thay) và dư nợ của khách hàng tại bên cho vay (phần dư nợ bị từ chối). Trường hợp sau khi hoàn trả đầy đủ nợ gốc, lãi và chi phí phát sinh liên quan đến khoản vay mà số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn còn thì Ngân hàng Phát triển chuyển trả vào tài khoản tiền gửi của khách hàng.

Điều 11. Phân loại và trích lập dự phòng rủi ro

Bên cho vay thực hiện phân loại, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với các khoản cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Thông tư này, quy định của pháp luật có liên quan, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình cho vay, nếu bên cho vay phát hiện khách hàng vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, vi phạm pháp luật hoặc nhận được văn bản của Ngân hàng Phát triển yêu cầu bên cho vay chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 Quy chế bảo lãnh thì bên cho vay lập tức chấm dứt việc cho vay và thực hiện ngay việc thu hồi nợ trước hạn. Hợp đồng tín dụng chỉ được thực hiện tiếp khi đã xác định được cụ thể nguyên nhân, mức độ vi phạm và việc vi phạm đã được khắc phục, không ảnh hưởng đến hiệu quả của dự án, khả năng hoàn trả vốn vay của khách hàng và Ngân hàng Phát triển có văn bản đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng.

Điều 13. Thông tin báo cáo

1. Hàng tháng, bên cho vay tổng hợp tình hình cho vay đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Ngày 10 hàng tháng, Ngân hàng Phát triển tổng hợp báo cáo tình hình bảo lãnh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại bên cho vay về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) theo Biểu báo cáo tình hình bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Trách nhiệm của bên cho vay và các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Bên cho vay:

a) Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Phát triển thực hiện cho vay các khách hàng nhỏ và vừa được Ngân hàng Phát triển bảo lãnh theo quy định tại Thông tư này, quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo an toàn, tuân thủ đúng quy định của pháp luật;

b) Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn các ngân hàng cho vay tổng hợp báo cáo về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế).

2. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Vụ Tín dụng các ngành kinh tế:

- Đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện hoạt động cho vay của các ngân hàng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển;

- Chủ trì xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

b) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện việc thanh tra, giám sát và xử lý theo thẩm quyền đối với các bên liên quan trong việc chấp hành các quy định tại Quy chế bảo lãnh và Thông tư này khi thực hiện cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển;

c) Vụ Tài chính - Kế toán hướng dẫn ngân hàng cho vay hạch toán kế toán đối với nghiệp vụ cho vay có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển;

d) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc kiểm tra, giám sát và thanh tra theo thẩm quyền đối với các ngân hàng trên địa bàn trong hoạt động cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển, đề xuất với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý các vấn đề phát sinh.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2014.

2. Thông tư số 12/2009/TT-NHNN ngày 28 tháng 5 năm 2009 về việc hướng dẫn một số nội dung trong cho vay có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển theo Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại ban hành theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với các hợp đồng tín dụng đã được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn, Ngân hàng Phát triển chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BẢO LÃNH CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VAY VỐN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI THEO QĐ 03/2011/QĐ-TTG NGÀY 10/01/2011

Tháng..... năm.....

(Kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-NHNN ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành kinh tế	Số doanh nghiệp được chấp thuận bảo lãnh		Số dự án được chấp thuận bảo lãnh		Tổng số tiền chấp thuận bảo lãnh		Doanh số thực hiện cấp bảo lãnh		Số dư bảo lãnh cuối kỳ	Số tiền NHPT trả thay lũy kế đến kỳ báo cáo	Số tiền NHPT từ chối trả thay lũy kế đến kỳ báo cáo	Số dư nhận nợ bắt buộc cuối kỳ
		Trong kỳ b/c	Lũy kế	Trong kỳ b/c	Lũy kế	Trong kỳ b/c	Lũy kế	Trong kỳ b/c	Lũy kế				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản												
2	Công nghiệp và xây dựng												
3	Thương mại và dịch vụ												
4	Ngành kinh tế khác												
Tổng													

....., ngày..... tháng..... năm.....

Lập bảng **Kiểm soát** **Người đại diện hợp pháp của NHPT**

Hướng dẫn lập báo cáo:

- Đối tượng báo cáo: Ngân hàng Phát triển Việt Nam tổng hợp số liệu hàng tháng của toàn hệ thống để gửi báo cáo cho NHNN VN (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế)
- Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Tín dụng các ngành kinh tế - Ngân hàng Nhà nước (email: trang.luongthu@sbv.gov.vn; ĐT: 04 38255643; Fax: 04 38256626).
- Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất vào ngày 10 của tháng tiếp theo tháng báo cáo.
- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người lập bảng.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời bằng văn bản hoặc qua số điện thoại 04 38255643.
- Cột (4), (6), (8), (10), (12, (13) chỉ tính luỹ kế từ thời điểm đầu năm báo cáo đến thời điểm báo cáo.